
NHẬN THỨC LUẬN: QUI LUẬT TRIẾT HỌC

Đỗ Thái Nhiên

A. BIỆN CHỨNG DUY NHIÊN

Nhận thức ở đây là nhận thức về tiền đề triết học. Tiền đề triết học LĐA là sự diễn tả mối vận động hỗ tương của ba phạm trù tự nhiên, tư tưởng và xã hội, trong đó, con người đóng vai chủ động.

*"Tác giả vô danh là gốc đạo,
Noãn bào trăm họ ấy giếng Người"*

Lý Đông A

Để có được "chu tri" về "giếng người", con người cần nhận thức một cách khoa học và tinh vi tính vận động kết vòng và xoay chiều (hỗ tương nguyên nhân) của ba phạm trù kia. Cao điểm của nhận thức là quy luật. Quy luật là những gì con người muốn hay không muốn chúng vẫn xảy ra. Mặt khác, tự nhiên là những hiện tượng không do con người tạo ra. Như vậy quy luật đồng nghĩa với tự nhiên. Nói đúng hơn: Quy luật tự nhiên là quy luật cao nhất, lớn nhất trong thế giới của quy luật. Đây là ý nghĩa cốt lõi của biện chứng duy nhiên.

Tự nhiên ở đây bao gồm yếu tố cụ thể và trừu tượng, bao gồm muôn loài cho muôn nhiên. Mỗi loài (nhất là loài người) phải được sống với loại tự nhiên của loài đó. Có như vậy vũ trụ mới thái hòa:

*"Văn minh kỹ nghệ còn nhiều việc,
Đưa cả muôn loài lên duy nhiên."*

Lý Đông A

Duy nhiên chính là duy muôn nhiên: Muôn **loại** tự nhiên. Loại chứ không phải loài.

Từ những dữ kiện vừa kể, Lý Đông A đã nhìn ngắm Muôn Nhiên, nghiên cứu Muôn Nhiên để cuối cùng quy nạp mọi vận động và phát triển của Muôn Nhiên thành một hệ thống quy luật mà Lý Đông A gọi là cấu trúc năm điểm.

Điểm một: Đạo kỹ là tự kỹ nguyên nhân là vô sai biệt phạm trù

Muôn nhiên bao gồm cả tự nhiên của loài người. Bất kỳ một hiện tượng nào trong Muôn Nhiên cũng đều có sinh mệnh của nó. Sinh mệnh được biểu lộ bằng đạo kỹ. Đạo kỹ được khai sinh và được biến hóa bởi vận động và phát triển của tự thân hiện tượng gọi là tự kỹ. Tự kỹ là điểm sống, đạo kỹ là đường sống. Điểm tạo thành đường. Đường chất chứa điểm. Do đó tự kỹ và đạo kỹ là hai mặt của một bàn tay không thể tách rời. Nói cách khác: Đạo kỹ là tự kỹ nguyên nhân là vô sai biệt phạm trù. Thí dụ: Quả đất quay chung quanh mặt trời là một hiện tượng tự nhiên. Ngay khi đang di chuyển chung quanh mặt trời, quả đất vừa có những vận động và phát triển trong tự thân nó, vừa giao tiếp với các loại hấp dẫn lực trong vũ trụ để có được đường vận động và phát triển tự thân gọi là quỹ đạo của quả đất chung quanh mặt trời.

Nhưng thế nào là tự kỹ? Điều gì quy định tự kỹ? Điểm 2, điểm 3, điểm 4 và 5 sẽ trả lời các thắc mắc này.

Điểm hai: Vận động và kết hợp hỗ tương nguyên nhân

Thực tại đã minh chứng một cách trong sáng rằng: Không có vận động nào không hình thành bởi một kết hợp, không có kết hợp nào không có hàm chứa vận động. Phủ định hay mâu thuẫn đều phải quay về với kết hợp. Phủ định toàn phần hay mâu thuẫn tiêu diệt kiểu Marxism chỉ là những nhãn quan không nhìn thực tại một cách trung thực.

Cây bông hồng nở hoa. Nở hoa là một vận động. Để có thể nở hoa, rễ, thân và lá của cây bông hồng phải kết hợp. Vận động và kết hợp cùng hỗ trợ lẫn nhau để cho cây bông hồng vận động và phát triển.

Điểm ba: Chất và lượng hỗ tương nguyên nhân

Đời sống không là gì khác hơn là một tổng hợp sinh sinh hóa hóa của chất và lượng. Trong thực tại người ta không thể tìm thấy thuần túy chất hay thuần túy lượng, người ta chỉ thấy chất và lượng thường hằng gắn bó với nhau,

thường hằng tác động lẫn nhau: Chất làm lượng biến và lượng làm chất biến. Lượng và chất chẳng có yếu tố nào là chính, chẳng có yếu tố nào là phụ.

Hãy khảo sát một nguyên tử nhôm. Nhân và những điện tử của nguyên tử này là lượng. Trật tự xoay vần của nguyên tử này là chất. Không có chất hoặc không có lượng, mọi nguyên tử đều không thể tồn tại. Chất không thể đơn phương tồn tại. Lượng cũng vậy. Chất và lượng phải nương vào nhau để cùng tồn tại, cùng vận động phát triển. Đó là ý nghĩa của tác động hai chiều. Người Cộng Sản chọn vật chất (lượng) làm tiền đề cho triết học nên họ phải kết luận một chiều: Lượng đổi, chất đổi. Trong thực tại: Lượng và chất hỗ tương nguyên nhân cùng biến đổi.

Từ các nhận định kể trên, người ta không thể nào không đi đến kết luận: “Chất và lượng hỗ tương nguyên nhân”. Đó là thực tại.

Điểm bốn: Cơ năng và bản vị hỗ tương nguyên nhân

Một con chó đang nằm nghỉ. Toàn bộ cơ thể của con chó là một bản vị. Miệng, mắt, mũi, tim, phổi, mỗi bộ phận trong cơ thể chó là một cơ năng. Bản vị không tồn tại nếu không có cơ năng. Cơ năng không thể vận động và phát triển bên ngoài bản vị. Đó là ý nghĩa của cơ năng và bản vị, cục bộ và toàn bộ, cái riêng và cái chung hỗ tương nguyên nhân (tác động xoay chiều).

Tương tự như vậy, nhìn vào xã hội loài người, con người cho rằng vai trò của nhà cầm quyền là tối cao, người khác lại cho rằng vai trò của giai cấp vô sản là tối cao. Người ta quên rằng giai cấp hay chính quyền chỉ là hai cơ năng trong rất nhiều cơ năng tạo thành bản vị xã hội. Người ta cũng quên rằng Người là chủ thể duy nhất có năng lực đưa đẩy mọi nhu cầu của xã hội được triển nở một cách hài hòa thông qua luật tương quan giữa cơ năng và bản vị.

Thực tại của muôn nhiên cũng như thực tại của xã hội đều phản ánh rằng: “Cơ năng bản vị hỗ tương nguyên nhân”. Đó là chân lý.

Điểm năm: Hối tương nguyên nhân là tự kỷ nguyên nhân là chân ý nghĩa của đạo kỷ

Phần cuối viết về điểm 1, tôi đã báo trước với độc giả là điểm 2, điểm 3, 4 và 5 sẽ trả lời câu hỏi điều gì quy định tự kỷ.

Các dạng hối tương nguyên nhân ở các điểm 2, 3 và 4 đã quy định tự kỷ cùng đạo kỷ của mỗi hiện tượng sống.

Xin đừng quên rằng hối tương nguyên nhân nói ở các điểm 2, 3 và 4 phải được ghi nhận và khảo sát vừa ở nội tại của hiện tượng, vừa ở môi trường mà hiện tượng đó vận động và phát triển.

Thí dụ: Người ta mang một con cá biển thả vào hồ nước ngọt. Nước ngọt khác hẳn nước biển về chất và lượng, về vận động và kết hợp, về cơ năng và bản vị. Vì vậy nước ngọt làm cho cơ thể con cá biển gặp các khó khăn như sau:

Hối tương nguyên nhân giữa chất và lượng bị rối loạn.

Các bộ phận trong cơ thể cá không còn vận động và kết hợp thích nghi.

Mỗi bộ phận trong cơ thể cá không còn là một cơ năng lành mạnh để có thể vận động và phát triển quân bình theo luật tắc cơ năng và bản vị hối tương nguyên nhân.

Từ đó vận động và phát triển tự kỷ của con cá biển trong nước ngọt trở nên èo uột, đường vận động và phát triển của tự kỷ (con đường này gọi là đạo kỷ) không thể kéo dài. Đó là ý nghĩa của điểm 5 trong quy luật năm điểm của tự nhiên giới, và đó cũng là ý nghĩa của kết cấu chặt chẽ giữa 5 điểm trong một quy luật.

Tóm lại, thực tại của muôn nhiên cũng như thực tại của xã hội người đều bị chi phối bởi quy luật: Hối tương nguyên nhân là tự kỷ nguyên nhân. Nhưng muốn hối tương để tạo ra tự kỷ tròn đầy, để sản sinh ra đạo kỷ ổn định một cách bền bỉ thì hối tương phải thường xuyên tôn trọng ba quy luật ghi ở điểm 2, điểm 3, điểm 4. Đó là ý nghĩa cốt lõi nhất của cấu trúc năm điểm năm trong phần quy nạp của biện chứng Lý Đông A (LĐA).

Như trên đã trình bày, quy luật muôn nhiên là quy luật cao nhất, lớn nhất trong thế giới quy luật, nó chi phối tổng quát ba phạm trù tự nhiên, tư tưởng, xã hội. Vì vậy phần lý luận quy nạp của chủ nghĩa LĐA chính là phần biện chứng Duy Nhiên (Duy Muôn Nhiên).

B. BIỆN CHỨNG DUY NHÂN

Cấu trúc năm điểm trình bày ở phần biện chứng duy nhiên là quy luật có tính qui nạp. Nó phản ánh vận động và phát triển của đại tự nhiên, của muôn nhiên dành cho muôn loài. Lý luận diễn dịch là lý luận đi từ quy luật qui nạp của muôn loài để diễn dịch ra quy luật tự nhiên dành riêng cho loài Người. Đặc điểm nổi trội trong phạm trù tự nhiên của loài người là sự tham dự của tư tưởng giới. Căn cứ vào tiền đề triết học của LĐA, người ở đây là người xuất phát tối sơ, người của xã hội tự tính, người tĩnh, người là Nhân. Từ đó tư tưởng trong nhân là tư tưởng tĩnh. Và cũng từ đó, biện chứng tư tưởng chính là biện chứng DUY NHÂN.

1.- Qui luật cấu trúc năm điểm của muôn nhiên tác động vào nhân và được nhân hóa

Môi trường sống của con người là muôn nhiên. Vì vậy qui luật năm điểm của muôn nhiên đương nhiên chi phối đời sống của con người. Nhờ vào năng lực của tư tưởng, con người đã nhân hóa năm điểm trong quy luật muôn nhiên thành năm điểm thuộc quy luật vận động và phát triển của tư tưởng, tức là của Nhân.

a/. Vận động và phát triển của Nhân bao giờ cũng là một kết hợp của hai hình thái: Vận động phát triển tự thân (tự kỷ) và **đường** vận động phát triển tự thân (đạo kỷ).

Khác với tự nhiên giới, Nhân có khả năng phân biệt được tự thân và vong thân. Nhờ sự phân biệt này, Nhân luôn luôn duy trì vận động và phát triển ở trong tình trạng tự thân và đề kháng tình trạng vong thân bởi lẽ vong thân là bất ổn định.

b/. Vận động và kết hợp hổ tương nguyên nhân
Khác với muôn nhiên, Nhân nhận thức được vận động là nguyên nhân của kết hợp và kết hợp là nguyên nhân của vận động. Do nhận thức này, Nhân

thường xuyên gìn giữ cho vận động và kết hợp bao giờ cũng ở vào thể cân phân hữu lý. Muốn thực hiện một công tác (vận động) con người phải thành lập tổ chức (kết hợp). Ngược lại một tổ chức không có công tác, tổ chức đó sẽ tự động tan rã. Như vậy vận động và kết hợp phải nương vào nhau để tồn tại và phát triển.

c/. Tinh thần và vật chất hỗ tương nguyên nhân

Muôn nhiên vô tri, vô giác trước những tác động hai chiều giữa chất và lượng. Con người vừa nhận diện được chất và lượng, tinh thần và vật chất, vừa ý thức được tinh thần và vật chất đã thúc hối lẫn nhau trong vận động và phát triển. Đau khổ (tinh thần) làm cho cơ thể của chúng ta (vật chất) suy yếu. Bệnh hoạn (vật chất) làm cho chúng ta buồn khổ (tinh thần). Hơn thế nữa, con người còn có khả năng điều hợp những quan hệ giữa chất và lượng sao cho tinh thần không khống chế vật chất và vật chất cũng không áp đảo tinh thần. Đôi bên nương tựa vào nhau để cùng tồn tại. Đó là ý nghĩa của hỗ tương nguyên nhân, giữa tinh thần và vật chất.

d/. Cơ năng và bản vị hỗ tương nguyên nhân

Nếu gia đình được hình dung như một kim tự tháp thì gia đình theo mẫu hệ là gia đình có bà mẹ ngự trị ở kim tự tháp. Gia đình mẫu hệ vận hành theo lệnh của bà mẹ từ đỉnh truyền xuống. Chồng và con chỉ biết vâng lệnh.

Gia đình theo phụ hệ thì lại có người cha ngự trị trên đỉnh kim tự tháp, ông cha nắm quyền độc tôn trong gia đình.

Bây giờ, chúng ta hãy hình dung ra vai trò của người cha là một cơ năng, vai trò của người mẹ là một cơ năng và vai trò của con cái là một cơ năng. Ba vai trò này kết hợp hài hòa với nhau để tạo ra sinh hoạt gia đình, đó là gia đình bản vị hệ. Trong gia đình bản vị hệ, quyền hành không tập trung vào tay một người. Mỗi cơ năng của gia đình đều lấy quyền lợi của bản vị gia đình làm tiêu chuẩn chung mỗi khi thảo luận về những vấn đề có liên hệ đến đời sống gia đình. Bản vị và cơ năng cùng nương vào nhau để cùng vận động và phát triển. Gia đình bản vị hệ đã phá vỡ cấu trúc kim tự tháp của gia đình mẫu hệ hay phụ hệ. Gia đình bản vị hệ không vận hành theo lệnh mà theo nhu cầu của đời sống gia đình. Nhu cầu này đã làm cho mối liên hệ giữa cơ năng và bản vị chẳng khác nào mối liên hệ giữa điện tử và hạt nhân trong cấu trúc của một nguyên tử vật chất. Vì vậy, gia đình bản vị hệ còn gọi là gia đình hạch tâm. Từ những so sánh giữa cấu trúc kim tự tháp và cấu trúc

hạch tâm trong khung cảnh gia đình, chúng ta hãy nghĩ đến một ngày nào đó, cấu trúc kim tự tháp của toàn bộ xã hội được thay thế bằng cấu trúc hạch tâm. Ý nghĩ vừa kể sẽ giúp chúng ta hiểu biết sâu sắc hơn tương quan tự do nhưng trật tự giữa cơ năng và bản vị trong sinh hoạt xã hội.

e/. Những “hỗ tương nguyên nhân” nói ở các điểm b, c và d đã giúp con người nhận biết một cách chân xác thế nào là vận động phát triển tự thân (tự kỷ) và thế nào là đường vận động phát triển tự thân (đạo kỷ) của con người. Đời sống là một giao tiếp muôn mặt. Giao tiếp giữa các cơ phận trong tự thân của mỗi người. Giao tiếp giữa con người với xã hội và giữa con người với muôn nhiên. Trong cõi giao tiếp bất tận đó, có ba dạng thức giao tiếp căn bản: Tinh thần và vật chất, vận động và kết hợp, cơ năng và bản vị. Mỗi giao tiếp bao giờ cũng hàm chứa trong nó nguyên nhân hai chiều (hỗ tương nguyên nhân). Nói tới nguyên nhân không thể không nói tới hậu quả. Con người là chủ thể duy nhất trong vũ trụ có khả năng cân phân mỗi quan hệ giữa nguyên nhân và hậu quả nhằm duy trì thế quân bình giữa tâm và vật, vận động và kết hợp, cơ năng và bản vị. Mỗi lần tạo được thế quân bình vừa nói là mỗi lần con người ở vào vị trí xuất phát tối sơ của xã hội tự tính, con người nhận chân được tự thân mình, con người ý thức sâu sắc ranh giới giữa tự thân và vong thân. Đời sống cứ như thế mà diễn tiến, con người sẽ có vận động và phát triển tự thân cùng với đường sống tự thân: Nhân Đạo. Đó là ý nghĩa của điểm 5 thuộc quy luật năm điểm của Nhân.

Quy luật năm điểm của Nhân có cội nguồn là quy luật năm điểm của muôn nhiên. Trong muôn nhiên, vạn vật vận động ổn định hay bất ổn là do những tình cờ của vũ trụ vẫn xoay. Những giao tiếp trong muôn nhiên luôn luôn có tác động hai chiều nhưng muôn nhiên không có ý thức gì về nguyên nhân và hậu quả. Thay vì sống thụ động dưới quy luật năm điểm của vũ trụ, con người đã vận dụng năng lực của tư tưởng để biến quy luật tự nhiên giới thành quy luật năm điểm của Nhân với đầy đủ ý thức về nguyên nhân hai chiều, về tính vận động và phát triển cân bằng của ba cặp phạm trù: Tâm và vật, vận động và kết hợp, cơ năng và bản vị. Đó là khác biệt trọng yếu nhất và căn bản nhất giữa nhiên của con người và nhiên của muôn nhiên. Chừng nào con người thực hiện trọn vẹn quy luật năm điểm của người, con người nhận định được kịp thời và thích nghi chân lý trong ba tầng tự nhiên, tư tưởng và xã hội, chừng đó con người mới sống ổn định, chừng đó con người mới thành nhân.

2.- Quy luật tổng quan về chân lý

a/. Chân lý trong tự nhiên giới có tính vô nguyên và tính tương đối. Tự nhiên giới không vận hành dưới sự dẫn đạo của tư tưởng, vì vậy tự nhiên giới tự nó không có khả năng ý thức về nguyên nhân và hậu quả. Thí dụ: sông, biển là gốc của mây, mưa hay mây là gốc của sông, biển? Câu hỏi này không bao giờ được trả lời bằng cách xác định gốc. Mây mưa và sông biển không do con người tạo ra, chúng thuộc tự nhiên giới, chúng không có gốc, chẳng có ngọn, chúng vô nguyên. Tương tự như vậy, chất và lượng, tâm và vật không thể liên hệ với nhau theo kiểu chính và phụ. Chất không làm chủ lượng, vật cũng chẳng làm chủ tâm. Chủ trương Duy Tâm hay Duy Vật đều không phù hợp với thực tại, không phù hợp với tính vô nguyên của chân lý trong tự nhiên giới.

Mặt khác, vận động và phát triển của tự nhiên giới thay đổi theo không gian và thời gian. Từ 12 giờ trưa đến 12 giờ đêm, nhiệt độ tại điểm A trên mặt đất có những thay đổi rõ rệt. Đó là sự thay đổi của tự nhiên giới theo điều kiện thời gian. Cây xoài ở vùng nhiệt đới khi được mang tới vùng ôn đới sẽ phải thay đổi toàn bộ vận động và phát triển của nó. Đó là sự thay đổi của tự nhiên giới theo điều kiện không gian. Những thay đổi vừa kể đã làm cho chân lý trong tự nhiên giới có tính tương đối.

b/. Chân lý trong tư tưởng (nhân, xã hội tự tính) có tính nhất nguyên và tính tuyệt đối.

Phàm là Người, ai cũng mong muốn có một mái ấm gia đình, lấy lòng chung thủy của vợ chồng làm nền tảng (TRINH).

Ai cũng mong muốn mọi người được sống trong thuận hòa, mỗi khi xung khắc xảy ra thì xung khắc đó phải được giải quyết bằng phương pháp nghị hòa, không ai được phép dùng bạo lực để giải quyết tranh chấp (HÒA).

Ai cũng mong muốn mọi người đều được bình đẳng về cơ hội sinh hoạt kinh tế, không ai có thể bị chèn ép trên đường thỏa mãn nhu yếu (BÌNH).

Ai cũng mong muốn mọi người đều được sinh sống trong một xã hội có cấu trúc thích nghi, ở đó xã hội không khống chế cá nhân và cá nhân không lấn áp xã hội (TINH THẦN TẬP THỂ).

Những ước mong vừa nói thuộc tính người. Khi con người biến tính-người thành hành động cụ thể, tính trở thành mệnh. Đó là chân ý nghĩa của mối liên hệ giữa tính và mệnh. Đối với Nhân (con người ổn định) tính của Nhân là sản phẩm của tư tưởng trong điều kiện tư tưởng được vận động và phát triển đúng quy luật. Nói cách khác, tính của Nhân là sản phẩm của tư tưởng tĩnh. Nhân suy nghĩ tĩnh và Nhân sống tĩnh. Chính vì cùng ở trạng thái tĩnh nên tính của nhân và mệnh của nhân bao giờ cũng thống nhất theo định hướng nhân-cách thượng-tôn. Điều này đã giải thích tính nhất nguyên trong chân lý của nhân. Nhất nguyên là sự thống nhất giữa tính của nhân và mệnh của nhân.

Ở bất kỳ thời đại nào, tại bất kỳ quốc gia nào, Nhân bao giờ cũng mong muốn vận động và phát triển theo tính nhất nguyên. Từ đó, chân lý trong Nhân có tính tuyệt đối.

c/. Chân lý trong xã hội có tính đa nguyên và tính tương đối.

Trong Nhân: Tính và mệnh thống nhất. Tuy nhiên, khi đi vào thực tiễn đời sống, con người không thường xuyên thuần nhân nữa. Do tác động bởi kinh tế, chủng tộc và lịch sử, nhiều khi Tính đi một đường, Mệnh đi một nẻo. Mọi người đều đồng ý gia đình phải được xây dựng trên tình vợ chồng thủy chung. Đó là nhân tính. Thế nhưng thực tiễn xã hội lại cho thấy: Nào là đa thê, nào là đa phu, nào là vợ chồng đầu bạc răng long, nào là thịnh suy vợ chồng không bao giờ rời nhau... Như vậy, tính thủy chung của Nhân khi đi vào xã hội đã biến thành Mệnh cộng thêm với một số "nào là". Mỗi "nào là" là một nguyên. Do đó, chân lý trong xã hội có tính đa nguyên. Tính đa nguyên này biến hóa tùy theo thời gian và không gian. Tính đa nguyên bao giờ cũng đi kèm với tính tương đối. Nói cách khác, tính đa nguyên và tính tương đối là cội nguồn của mọi biến thiên trong xã hội.

d/. Vô nguyên, nhất nguyên và đa nguyên thống nhất.

Mỗi hiện tượng sống là một thống nhất của ba phạm trù tự nhiên, tư tưởng và xã hội. Vô nguyên trong tự nhiên, nhất nguyên trong tư tưởng và đa nguyên trong xã hội cũng phải thống nhất. Một hiện tượng trở thành đối tượng tranh cãi giữa người với người chỉ vì: Đối với hiện tượng đó, người này cho rằng đa nguyên là trội yếu, người kia cho rằng nhất nguyên là trội yếu,

người nọ cho rằng vô nguyên là trội yếu. Cuộc tranh cãi chỉ được hóa giải khi nào con người biết vận dụng quy luật triết học để cùng thấy được nguyên nhân nào là trội yếu trên nền tảng vô nguyên, nhất nguyên và đa nguyên thống nhất.

3.- Quy luật hình tròn ốc có nút kết

Hai vợ chồng sản sinh ra vài người con. Các người con này lập gia đình, lại sản sinh ra một số cháu. Những người cháu này lại tiếp tục di truyền nòi giống. Cứ như vậy: Xuất phát từ đôi vợ chồng, nhân số của đại gia đình sẽ tăng lên dần. Triết học diễn tả hiện tượng này bằng hình ảnh: Vạn vật vận động theo hình tròn ốc. Nếu nường vào một khối hình nón có đỉnh đặt trên mặt đất, đáy hướng lên trời thì tâm của hình tròn ốc nằm ở đỉnh hình nón, các vòng xoắn tròn ốc ôm lấy sườn nón tiến dần lên cao. Như vậy vận động hình tròn ốc là kiểu nói có chủ ý diễn tả những vận động khởi đi từ một xuất phát điểm, luôn luôn diễn ra trong liên tục, duy trì tính đồng dạng với những vận động trước đó, đồng thời, mở rộng dần và cao dần cả về chất lẫn lượng. Đặc biệt, nhờ có sự tham dự của tư tưởng giới nên Nhân vận động theo hình tròn ốc có nút kết thay vì hình tròn ốc trơn tuột của tự nhiên giới. Nút kết biểu tượng cho vận động và phát triển của tư tưởng. Mỗi nút kết là một hình tròn ốc nhỏ nằm trên hình tròn ốc lớn của mỗi vận động của con người. Tùy theo tình huống, hình tròn ốc lớn có thể có ít hay nhiều nút kết.

Quy luật "Nhân vận động và phát triển theo hình tròn ốc có nút kết" đã nhấn mạnh hai chủ điểm:

- Mọi vận động và phát triển của Nhân đều mở rộng dần về lượng, cao cấp hơn về chất.
- Vòng xoắn tròn ốc là một biểu đồ liên tục, con người không thể cắt bỏ bất kỳ đoạn nào trên biểu đồ.

Hai chủ điểm vừa kể đã lý giải thỏa đáng các hiện tượng sống sau đây:

- Mỗi liên hệ khăng khít giữa tính và mệnh. Nếu tính là tình yêu nam nữ thì mệnh là hành động sống trong hôn nhân. Nếu tính là tình thân thiện với hàng xóm láng giềng thì mệnh là sinh hoạt làng, xã, là "phép vua thua lệ làng". Nếu tính là mối liên hệ tình cảm sâu sắc giữa những người cùng ngôn ngữ, cùng phong tục tập quán, cùng hưởng chung và chịu chung muôn vàn

vinh nhục của lịch sử thì mệnh là hành động phục vụ quốc gia. Quốc gia là hình thức hành chánh hóa đời sống dân tộc. Nếu tính là lòng bác ái đối với đồng loại, là nhu cầu chung sống trong hòa bình và phát triển thì mệnh là bang giao quốc tế, là sự thành hình của Hội Quốc Liên, của Liên Hiệp Quốc. Như vậy, tính và mệnh là hai mặt của một bàn tay đã nương vào nhau để vận động và phát triển theo hình tròn ốc.

-- Nhằm giúp cho tính và mệnh được vận động và phát triển theo hình tròn ốc, thì tính mệnh phải sinh hoạt dưới hình thức cơ năng hóa. Trong gia đình cha, mẹ, con cái không theo mẫu hệ, phụ hệ hay tử hệ. Gia đình vận hành theo quyền lợi chung của gia đình gọi là gia đình "bản vị hệ". Khi sinh hoạt liên gia, mỗi bản vị gia đình trở thành cơ năng của liên gia. Bản vị liên gia trở thành cơ năng của phường. Bản vị phường trở thành cơ năng của Quận. Bản vị nhỏ trở thành cơ năng của bản vị lớn hơn, cứ như vậy hoạt động của đời người xuất phát từ bản vị gia đình thông qua cơ năng hóa để tiến lên bản vị quốc gia (tức bản vị dân tộc) và sau cùng là bản vị nhân loại.

Những luận bàn chung quanh quy luật "Nhân vận động theo hình tròn ốc có nút kết" đã chỉ ra rằng vai trò dân tộc trong đời sống của Con Người là vai trò tất yếu. Các chủ trương siêu dân tộc, xóa bỏ vị trí dân tộc trong cộng đồng nhân loại hiển nhiên là các tư tưởng vừa hoang tưởng, vừa chống lại nhân tính.

C.- BIỆN CHỨNG DUY DÂN

Con người không thể thường xuyên sống ổn định. Khi đi vào thực tiễn đời sống, các yếu tố chủng tộc, kinh tế và lịch sử đã làm cho con người khi hạnh phúc, khi đau khổ, khi thương yêu, khi thù hận, khi thánh thiện, khi tàn ác, khi thật thà, khi gian xảo. Con người không thuần nhân nữa, con người trở thành dân. Môi trường vận động phát triển của Dân là xã hội thực tiễn. Thế nên, quy luật xã hội thực tiễn chính là quy luật của Dân.

Dân vận động và phát triển theo bốn quy luật sau đây:

1.- Quy luật Nhân là xu hướng tìm về của Dân

Nhân là con người xuất phát tối sơ, con người của xã hội tự tính, con người với trọn vẹn nhân tính được triển nở. Nhân là con người tĩnh. Động bao giờ

cũng tìm về tĩnh. Giông tố bao giờ cũng tìm về mưa thuận gió hòa. Khi bước vào đời sống xã hội, nhân bị tác động bởi kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa..., Nhân trở thành con người động. Nhân trở thành dân. Động tìm về tĩnh. Dân tìm về nhân. Đây là ý nghĩa tuyệt vời đến kỳ lạ của thuật ngữ nhân dân trong tiếng Việt. Nhân là gốc của Dân, đường tìm về Nhân của Dân là một đấu tranh lẫn nhau và bất tận giữa hai hình thái vận động và phát triển của tự thân và vong thân. Tự thân là hạnh phúc, là ổn định, là Nhân, là Trung. Trung chỉ có một. Vì vậy, chân lý trong Nhân có tính nhất nguyên và tuyệt đối. Vong thân là thái quá, là bất cập với nhiều hình thái và mức độ khác nhau, thay đổi tùy theo không gian và thời gian. Vì vậy, vong thân hàm chứa chân lý đa nguyên và tương đối. Tuy nhiên, vận động và phát triển của dân không thường hằng là vong thân. Nó là một xâu chuỗi hạt đen và trắng không đồng đều, trong đó có lẫn lộn đa nguyên và nhất nguyên, tương đối và tuyệt đối. Nếu mỗi tự thân trong đời người được biểu tượng bằng một hạt trắng, nếu mỗi vong thân trong đời người được biểu tượng bằng một hạt đen và nếu đời sống được phân tích và thể nghiệm tinh vi, người ta sẽ nhận ra trong cốt lõi của một hạt đen vẫn có màu trắng. Như vậy, nhất nguyên và tuyệt đối là gốc, đa nguyên và tương đối là ngọn. Điều này đã giải thích tại sao trong tội ác bao giờ cũng tiềm ẩn niềm thống hối, trong gian manh bao giờ cũng ẩn tàng nỗi ray rứt, trong chém giết bao giờ cũng nhen nhúm lòng xót xa. Những thống hối, ray rứt, xót xa kia rõ ràng là sự hiện diện của Nhân trong Dân. Nhân là lương tâm, là sao Bắc Đẩu của Dân. Đời sống chẳng qua chỉ là nỗ lực của Dân tìm về Nhân, thể hiện được Nhân trong càng nhiều cơ hội sống càng tốt.

2/. Quy luật vận động và phát triển của Nhân

Nhân là gốc của Dân. Vì vậy, quy luật năm điểm về vận động và phát triển của Nhân chi phối chặt chẽ đời sống của Dân. Dân thực hiện đúng mức quy luật năm điểm: Dân là con người có vận động và phát triển tự thân, Dân là Nhân. Trong trường hợp ngược lại, Dân là con người vong thân, là con người sống bất ổn định. Bên cạnh quy luật năm điểm của nhân, dân còn bị chi phối bởi quy luật tổng quan về chân lý cộng với quy luật vận động và phát triển theo hình tròn ốc.

3/. Quy luật tĩnh động thống nhất

Xin nhắc lại: Tĩnh là vận động ổn định, Động là vận động bất ổn định. Giông bão là thời tiết động. Mưa thuận gió hòa là thời tiết tĩnh. Giông bão chỉ là bệnh thái nhất thời của thời tiết. Giông bão bao giờ cũng có khuynh hướng tìm về mưa thuận gió hòa. Động tìm về với Tĩnh. Nóng giận là tư tưởng Động, là bệnh thái nhất thời của tư tưởng. Bình tĩnh là tư tưởng tĩnh, là thường thái của tư tưởng. Nóng giận bao giờ cũng tìm về bình tĩnh. Động tìm về với Tĩnh. Chiến tranh là lịch sử Động. Hòa bình là lịch sử Tĩnh, là thường thái của lịch sử. Chiến tranh bao giờ cũng tìm đường về hòa bình. Động tìm về Tĩnh. Như vậy, Tĩnh và Động thống nhất trên căn bản Động tìm về Tĩnh, Tĩnh là gốc của Động. Tự thân là Tĩnh, vong thân là Động. Vì thế, vong thân bao giờ cũng cố gắng tìm về tự thân để cho Dân tiến gần đến Nhân. Đó là khuynh hướng sống của Dân nhìn bằng nhãn quan Tĩnh và Động.

4/. Quy luật Thời-Không thống nhất

Không gian không đơn thuần được quy định bởi chiều dài, chiều rộng và chiều cao. Không gian còn bao gồm tất cả những gì do con người suy tư và hành động. Bạn suy nghĩ một giờ đồng hồ. Một giờ là thời gian, những suy nghĩ của bạn là không gian. Từ đó, không gian là nội dung của thời gian. Thời gian nào thì phải đi với không gian đó: Thời-Không thống nhất là vậy. Một người cười đùa vào lúc người khác đang đau khổ thì hẳn nhiên người ấy không được những người chung quanh chấp nhận. Cười đùa là không gian, "vào lúc người khác đang đau khổ" là thời gian. Trong trường hợp này, thời gian và không gian không thống nhất, cười đùa trở thành một hiện tượng bất ổn định. Do đó, khi Thời-Không không thống nhất có nghĩa là vận động và kết hợp không hỗ tương nguyên nhân. Như vậy, "cười đùa vào lúc người khác đang đau khổ" là một hiện tượng bất ổn định bởi lẽ nó đã vi phạm quy luật năm điểm (về vận động và kết hợp) của Nhân.

Quy luật Thời-Không thống nhất chẳng qua chỉ là hệ luận của quy luật năm điểm của Nhân. Hệ luận này diễn tả điều kiện ắt có, chứ không là điều kiện đủ. Nó nhằm cung cấp cho người dân một công cụ lý luận tiên khởi để nhận định kịp thời và chính xác ranh giới giữa ổn định và bất ổn định về mặt thời gian và không gian của một hiện tượng sống.

5/. Quy luật Tri-Hành viên mãn

Tri-Hành mà quy luật này muốn nhấn mạnh là Tri Hành về nhân cách. Trong thực tiễn của đời sống, Tri và Hành thường gặp phải những trở ngại sau đây:

- Tri nửa vời và Hành nửa vời.
- Tri một đường, Hành một nẻo.
- Thiếu ý chí để Hành như đã Tri.

Để vượt thoát những trở ngại nêu trên, nhiều người đã kêu gọi Tri Hành đồng tiến. Tuy nhiên, xin đừng quên rằng Tri là tính, Hành là mệnh. Tính mệnh đồng tiến chưa hẳn là Tri và Hành vận động và phát triển đúng hướng. Nhiều người khác đề nghị Tri Hành hợp nhất nhưng hai chữ hợp nhất không nói lên được tác động hai chiều giữa Tri và Hành. Tri về nhân cách chính là quán triệt được ý nghĩa của chân lý trong ba phạm trù tự nhiên, tư tưởng và xã hội, đồng thời nhận thức sâu sắc về vận động và phát triển tự thân cũng như vong thân của con người thông qua quy luật năm điểm của Nhân. Hành về nhân cách chính là biến quy luật năm điểm của Nhân trở thành hành động sống cụ thể. Bằng những hành động sống cụ thể này, Hành đã cung cấp cho Tri những yếu tố để trải nghiệm giá trị của Tri, đồng thời mang lại cho Tri những kinh nghiệm cần thiết làm cho Tri càng ngày càng trở nên tròn đầy hơn. Có như vậy Tri mới có thể chỉ đường cho Hành một cách thích nghi và chính xác. Có như vậy Hành mới có thể mở rộng địa bàn hoạt động. Cứ như thế mà Tri với Hành nương tựa vào nhau, bổ túc lẫn cho nhau để cùng vận động và phát triển tròn đầy, gọi tắt là Tri Hành viên mãn. Quy luật Tri Hành viên mãn có chủ ý nhấn mạnh quan hệ giữa Tri và Hành là quan hệ rất chặt chẽ nhưng lại vô cùng linh động và uyển chuyển. Có quán triệt được quy luật Tri Hành viên mãn, con người mới có thể vận dụng thích đáng toàn bộ quy luật về Nhân nhằm tiến tới đời sống ổn định, đời sống của Nhân và nhất là nhằm kịp thời quay trở về với vận động và phát triển tự thân trong trường hợp bị rơi vào tình huống vong thân.

6/. Quy luật đối lập thống nhất

Trong tự nhiên giới, mâu thuẫn sản sinh ra tình trạng cá lớn nuốt cá bé, sản sinh ra mạnh được yếu thua. Mâu thuẫn là đầu mối của tiêu diệt. Nhờ vào năng lực của tư tưởng, con người đã nhận thức được rằng thực tiễn sinh hoạt xã hội hàm chứa vô số dị biệt về ý kiến lẫn quyền lợi. Tuy nhiên, không thể vì những dị biệt này mà con người vĩnh viễn quay lưng lại với nhau hoặc tiêu diệt lẫn nhau. Từ đó, mâu thuẫn tiêu diệt của tự nhiên giới đã được con

người chuyển hóa thành đối lập thống nhất. Sau đây là ba cặp đối lập thống nhất căn bản của tâm sinh mệnh xã hội:

a/. Cá nhân và tập thể đối lập thống nhất

Quyền lợi của cá nhân và quyền lợi của tập thể gần như thường trực xung khắc. Vì vậy, cá nhân và tập thể đối lập nhau. Tuy nhiên, không hề có cá nhân nào có thể vận động và phát triển bình thường mà không nương nhờ xã hội. Ngược lại, không hề có xã hội nào có thể tồn tại mà không cần đến sự kết hợp của cá nhân. Vì vậy, cá nhân và tập thể thống nhất. Chân lý về mối liên hệ giữa cá nhân và tập thể rất đơn giản và rất dễ hiểu. Thế nhưng, trong thực tế, cá nhân và tập thể vẫn gặp vô số trở ngại trên đường tìm gặp thống nhất. Muốn triệt để giải trừ những trở ngại kể trên, con người không thể có phương pháp nào khác hơn là Tri Hành viên mãn quy luật năm điểm của Nhân, lấy cơ năng và bản vị hỗ tương nguyên nhân làm điểm khởi hành. Khởi hành như vậy để thấy rằng trong tương quan giữa cá nhân và tập thể bao giờ cũng phải giữ sự tương kính và tương nhượng: Cá nhân không khống chế tập thể và tập thể cũng không đè bẹp cá nhân. Làm thế nào để tương kính, tương nhượng được ở mức thích nghi? Thích nghi có nghĩa là tương quan giữa cá nhân và tập thể là tương quan cơ năng bản vị. Cá nhân là cơ năng và tập thể là bản vị. Trong mỗi tương quan này, không có thống trị và bị trị, chỉ có một tập thể người cùng nhau vận động và phát triển, lấy sự hữu lý của công việc làm kim chỉ nam để hành động. Mỗi khi tương quan giữa cơ năng và bản vị gặp xung khắc, người ta phải giải quyết xung khắc này bằng cách truy tìm nguyên nhân của xung khắc thông qua một số câu hỏi kiểm tra như sau:

- * Mỗi cơ năng và bản vị có ở vào vị trí vận động và phát triển thích nghi hay không?
- * Vận động và kết hợp có hỗ tương nguyên nhân hay không?
- * Tinh thần và vật chất có hỗ tương nguyên nhân hay không?
- * Nguyên nhân trội yếu đã gây ra bế tắc là vô nguyên, nhất nguyên hay đa nguyên?

Trả lời được những câu hỏi này, người ta sẽ biết tầng quy luật nào (Tự nhiên, Dân hay Nhân) là liều thuốc giải trừ xung khắc.

Các câu hỏi trên chỉ có tính gợi ý. Thực ra, muốn giải quyết những xung khắc trong đời sống, con người phải thực sự đi vào đời sống: Sống đến đâu

biết đến đó, bờ biết là bờ sống. Đó là ý nghĩa của tri hành viên mãn đối với công việc vận dụng quy luật triết học để điều chỉnh tính và mệnh của con người sao cho vô nguyên, nhất nguyên và đa nguyên thống nhất trên căn bản nhất nguyên là hướng sống kết hợp giữa con người với con người.

b/. Bảo thủ và cấp tiến đối lập thống nhất

Nói một cách thông thường: Cấp tiến là ý kiến đổi mới với tốc độ cao. Bảo thủ là ý kiến chống lại sự đổi mới. Như vậy bảo thủ và cấp tiến rõ ràng là đối lập lẫn nhau. Cấp tiến lên án bảo thủ là bất cập. Bảo thủ lên án cấp tiến là thái quá. Cả thái quá lẫn bất cập, cấp tiến lẫn bảo thủ đều lấy trung đạo làm chuẩn mực của hành động. Như vậy trung đạo là nơi thống nhất giữa bảo thủ và cấp tiến. Vấn đề là làm thế nào để bảo thủ và cấp tiến cùng tiến vào trung đạo.

Muốn vậy, cả hai phe bảo thủ và cấp tiến đừng quên rằng: Bảo thủ là một nguyên, cấp tiến là một nguyên. Trong nội bộ của bảo thủ hay cấp tiến lại có những mức độ khác nhau về thái quá hay bất cập. Mỗi khác nhau là một nguyên. Nói một cách chung nhất, bảo thủ và cấp tiến đi kèm với những ý kiến phụ thuộc hợp thành khối đa nguyên. Đa nguyên là một đa cơ năng vận hành chung quanh một trung tâm bản vị. Trung tâm bản vị là biểu tượng của trung đạo. Muốn cho cơ năng và trung tâm bản vị duy trì được quan hệ hòa hài, tức là thái quá và bất cập thống nhất, con người phải vận dụng các quy luật của nhân (cấu trúc 5 điểm + 3 tầng chân lý + vận động hình tròn ốc) làm phương tiện để cân đo các ý kiến được gọi là cấp tiến hay bảo thủ.

Thông qua quá trình cân đo vừa kể, các ý kiến gây trở ngại cho quan hệ cơ năng bản vị sẽ được giải trừ. Cấp tiến và bảo thủ sẽ hội tụ.

c/. Tự nhiên và con người đối lập thống nhất

Trong suy nghĩ của triết phái Duy Vật, tự nhiên chỉ là vật chất và những thuộc tính của vật chất. Dưới mắt nhìn của Lý Đông A, tự nhiên là vũ trụ, là muôn nhiên, trong đó vật chất và các yếu tố trừu tượng quấn quện vào nhau, cùng nhau vận động và phát triển. Muôn nhiên có nghĩa là muôn loài có muôn loại tự nhiên. Mỗi loài tồn tại và phát triển theo một nhiên riêng biệt. Đời sống tự nhiên của loài cọp khác với đời sống tự nhiên của loài voi. Đời sống tự nhiên của cá sông khác với đời sống tự nhiên của cá biển. Đời sống tự nhiên của loài khỉ khác với đời sống tự nhiên của loài người.

Vạn vật vận động. Vận động ổn định gọi là tĩnh. Vận động bất ổn định gọi là động. Tự nhiên tĩnh là sự việc muôn loài sống thuận hòa với nhau trên căn bản loài nào sống theo tự nhiên của loài đó. Tự nhiên tĩnh là từ ngữ diễn tả trạng thái hòa hài trên bang giao giữa muôn nhiên. Vì vậy tự nhiên tĩnh còn được gọi là tự nhiên hòa. Trong hoàn cảnh tự nhiên ổn định, quan hệ giữa con người và tự nhiên hòa là quan hệ thống nhất.

Tự nhiên động là hoàn cảnh rối loạn của tự nhiên: Tự nhiên của loài này tha hóa tự nhiên của loài kia. Tự nhiên động còn gọi là tự nhiên hoá. Trong tình huống tự nhiên bất ổn định, quan hệ giữa con người và tự nhiên hóa là quan hệ đối lập.

Con người bị tự nhiên bất ổn định tha hóa trên hai địa bàn.

Địa bàn thể chất: Tự nhiên bất ổn định tấn công con người bằng thiên tai, bằng rừng thiêng nước độc, bằng vi trùng, vi khuẩn các loại, bằng thời tiết khắc nghiệt.

Địa bàn tinh thần: Tự nhiên bất ổn định tấn công con người bằng những cuộc xâm lăng triền miên của vật tính nhằm đánh đuổi nhân tính.

* Nhân tính đòi hỏi con người phải trung thành song phương trong đời sống hôn nhân. Vật tính lôi cuốn con người vào những hoạt động đực cái chỉ để thỏa mãn các hồi thúc của xác thịt.

* Nhân tính đòi hỏi con người phải nghị hòa mỗi lúc xảy ra xung đột giữa người này với kẻ kia. Vật tính lôi cuốn con người giải quyết các loại xung đột bằng xương máu, bằng các loại vũ khí độc hại.

* Nhân tính đòi hỏi con người phải tôn trọng sự bình đẳng về cơ hội làm việc trên lãnh vực thỏa mãn nhu yếu kinh tế của đồng loại. Vật tính lôi cuốn con người tham dự vào những cuộc tranh ăn theo kiểu mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé.

* Nhân tính đòi hỏi con người phải tôn trọng quyền lợi của xã hội, phải góp phần xây dựng xã hội. Vật tính lôi cuốn con người sống nương vào xã hội loài người nhưng với phương châm: "Một con bò không bao giờ quan tâm đến tương lai của bầy bò".

Không còn nghi ngờ gì nữa: Tự nhiên bất ổn định và con người đối lập lẫn nhau. Tự nhiên ổn định và con người thống nhất với nhau. Vấn đề còn lại là: Làm thế nào để chuyển đổi đối lập thành thống nhất, biến tự nhiên hóa ra tự

nhiên hòa? Đi tìm giải đáp thích nghi cho câu hỏi vừa nêu, con người cần quán triệt và triển khai rộng rãi quy luật: “Đạo kỹ là tự kỹ nguyên nhân, là vô sai biệt phạm trừ”. Vũ trụ bao gồm muôn nhiên. Mỗi nhiên vận động và phát triển theo một đạo kỹ và tự kỹ riêng của nhiên đó. Trong tự thân của mỗi nhiên, mỗi cá thể lại có đạo kỹ và tự kỹ riêng. Đạo kỹ và tự kỹ kết hợp với những đạo kỹ và tự kỹ chung quanh theo quy luật cơ năng bản vị và theo trật tự cơ năng hóa. Người nào đánh mất đạo kỹ và tự kỹ của mình bằng cách chạy theo đạo kỹ và tự kỹ của cá thể khác, người đó đã vong thân. Suy cho cùng, vong thân là con người sống theo cuốn hút của vật tính. Người vong thân đã bị tự nhiên hóa. Muốn từ tự nhiên hoá trở về tự nhiên hoà, một người phải xác định và sống theo đạo kỹ và tự kỹ của chính mình. Muốn như vậy cá nhân đương sự cần có sự hiểu biết đầy đủ về triết học, sử học và khoa học để phân định được sự khác biệt giữa nhiên này với nhiên kia trong vũ trụ muôn nhiên. Đồng thời, tùy theo tình huống riêng con người còn phải áp dụng một cách thích nghi các tầng-quy-luật nhiên, nhân, dân, nhằm giải trừ tự nhiên hóa, trở về với tự nhiên hòa. Đó là nội dung cốt lõi của quy luật tự nhiên với con người đối lập nhưng thống nhất. Đối lập là đối lập với tự nhiên bất ổn định (tự nhiên hóa). Thống nhất là thống nhất với tự nhiên ổn định (tự nhiên hòa).

Nhận định vừa kể đã đưa dẫn chúng ta đi đến kết luận rằng: Mâu thuẫn giữa con người với tự nhiên bất ổn định là mâu thuẫn chính. Mâu thuẫn giữa con người với con người chỉ là mâu thuẫn phụ.

Sau một hồi “chén chú, chén bác”, hai người bạn trở thành hai người say rượu. Họ đi từ đấu khẩu đến đấu võ. Mâu thuẫn giữa hai người say được giải thích như sau: Hai đương sự bị cuốn hút bởi men rượu. Men rượu từ trong tự nhiên giới đã xâm nhập và khống chế cơ thể của hai người say. Từ đó tình bạn trở thành tình thù. Mâu thuẫn chính trong hiện vụ là mâu thuẫn giữa con người với tự nhiên hóa (men rượu). Mâu thuẫn phụ là cuộc đấm đá bên bàn rượu. Giải trừ cơn say (mâu thuẫn chính), cơn thịnh nộ giữa hai người bạn (mâu thuẫn phụ) sẽ tự nó tan biến.

Công việc khảo sát ba tầng quy luật thuộc về vận động và phát triển của ba phạm trù tự nhiên, tư tưởng và xã hội đã chỉ ra rằng:

Nhóm quy luật của muôn nhiên (biện chứng Duy Nhiên) phối hợp với nhóm quy luật của tư tưởng (biện chứng Duy Nhân) đã diễn tả một cách tròn đầy

và sinh động những tương đồng và dị biệt giữa tính tự nhiên của muôn nhiên và tính tự nhiên của riêng con người (nhân tính). Vì vậy muốn tiến tới “cùng vũ trụ hòa”, con người cần có hiểu biết đầy đủ về triết, sử, khoa để phân định chính xác và kịp thời đâu là nhân tính của người, đâu là nhân tính của mỗi nhiên trong muôn nhiên. Từ đó con người sẽ dễ dàng giải trừ tự nhiên hóa nhằm tiến đến tự nhiên hòa.

Nhóm quy luật của Nhân (biện chứng Duy Nhân) phối hợp với nhóm quy luật của Dân (biện chứng Duy Dân) đã chỉ ra rằng con người lý tưởng (Nhân) và con người thực tiễn (Dân) có mối liên hệ giao thoa thường xuyên và chặt chẽ. Chính mối liên hệ chặt chẽ này đã minh chứng rằng Nhân là lương tâm, là kim chỉ nam của Dân. Dân là con người của thực tiễn: Có khi ổn định, có khi bất ổn định. Quy luật của Dân là các quy luật giúp Dân đi từ bất ổn định trở về với ổn định, đi từ ác trở về thiện, từ bệnh hoạn trở về lành mạnh, từ tự nhiên hóa trở về tự nhiên hòa.

Nhìn chung:

Quy luật tự nhiên phản ánh tính tự nhiên của muôn nhiên.

Quy luật nhân phản ánh tính tự nhiên của nhân.

Quy luật dân phản ánh tính tự nhiên của dân, đặc biệt là tính tìm về nhân của dân.

Tính nhiên, tính nhân, tính dân kết hợp mật thiết với nhau tạo thành tính người: Con người lý tưởng (Nhân) và con người thực tiễn (Dân). Câu hỏi được đặt ra là làm thế nào để mang tính người đi vào thực tiễn sinh hoạt xã hội? Làm thế nào để tính biến thành mệnh trên căn bản “một người vì mọi người và mọi người vì một người”. Trả lời các thắc mắc vừa nêu tức là chúng ta bước vào công việc tìm hiểu học thuyết cơ năng bản vị.

D. HỌC THUYẾT CƠ NĂNG - BẢN VỊ

ĐẶT VẤN ĐỀ.- Lý luận triết học đi kèm với những thể nghiệm về đời sống đã chứng minh rằng muốn cho đời sống được hạnh phúc và thịnh vượng, mỗi người cần sinh hoạt đúng theo tự kỷ và đạo kỷ (cái tôi và đời tôi, tính và mệnh) của đương sự. Sống như vậy là sống tự giác. Mặt khác bên cạnh tính tự giác, con người còn có xã hội tính. Con người cần giao dịch với những người chung quanh. Con người cần hợp quần với tập thể. Làm thế nào con người vừa tích cực tham dự vào nhiều cơ phận khác nhau của cấu trúc xã

hội, vừa thường xuyên đề kháng một cách hữu hiệu những tình huống bị tha hóa?

THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ.- Sống và kết hợp là hai mặt của một bàn tay. Kết hợp sản sinh ra tổ chức. Tổ chức đầu đời mà mỗi người tham dự vào là cha mẹ, anh chị em, là gia đình. Thông thường "lãnh đạo" gia đình là người cha. Trong trường hợp này tổ chức gia đình được hình dung như một kim tự tháp. Người cha nghiêm nhiên chiếm lĩnh đỉnh kim tự tháp. Người mẹ quanh quẩn ở sườn kim tự tháp. Con cái an phận ở đáy kim tự tháp. Gia đình như vừa diễn tả, gọi là gia đình kim tự tháp. Gia đình này tự nhận là "ổn định" theo kiểu tất cả mệnh lệnh từ đỉnh kim tự tháp ban xuống đều phải được toàn thể gia đình triệt để chấp hành. Các loại phản đề nghị không thể tồn tại trong gia đình kim tự tháp. Bước vào sinh hoạt xã hội, mỗi xí nghiệp, mỗi cơ quan công quyền là một kim tự tháp, trong đó mỗi vị giám đốc là một gia trưởng. Nhìn xa hơn và cao hơn dưới chế độ độc tài, vị quốc trưởng ngạo nghễ ngồi ở đỉnh kim tự tháp, các cơ quan công quyền bám vào sườn kim tự tháp, người dân bị trị hiển nhiên nằm ở đáy kim tự tháp. Sống trong xã hội có cấu trúc kim tự tháp, không người nào được phép có bất kỳ suy nghĩ hay hành động nào thoát ra ngoài không gian của kim tự tháp. Xã hội kim tự tháp là xã hội cưỡng bách con người phải chấp nhận tha hóa. Tha ở đây là gia trưởng của tiểu gia đình. Tha ở đây là các loại gia trưởng lớn nhỏ thuộc vô số cơ quan công và tư. Tha ở đây là nhà lãnh tụ độc tài của xã hội kim tự tháp. Xã hội có cấu trúc kim tự tháp rõ ràng là một xã hội hủy diệt tất cả cơ hội vận động và phát triển của tự kỷ và đạo kỷ (cái tôi và đường sống của tôi), hủy diệt nhân tính.

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ.- Cá nhân lãnh đạo tập thể bằng những suy nghĩ riêng tư và tùy tiện của cá nhân. Đó là nguyên nhân dẫn đến xã hội kim tự tháp. Vì vậy muốn nhân tính được tôn trọng, muốn đời sống tự giác của mỗi người có cơ hội vận động và phát triển thích nghi, cấu trúc kim tự tháp cần phải bị đào thải. Thay vào đó là một cấu trúc mới: Cấu trúc cơ năng bản vị. Cơ năng là cái riêng, bản vị là cái chung. Cơ năng là cá nhân, bản vị là tập thể. Cơ năng là một bộ phận của một guồng máy, bản vị là toàn bộ guồng máy. Rất nhiều khi guồng máy lớn vận hành do sự kết hợp nhiều guồng máy nhỏ. Trong trường hợp này, mỗi guồng máy nhỏ (thoạt tiên là một bản vị) đã trở thành cơ năng của bản vị mới: Guồng máy lớn. Liên hệ giữa cơ năng - bản vị không hề là liên hệ thống trị và bị trị. Liên hệ cơ năng và bản vị được điều hành bởi quyền lợi chung. Quyền lợi chung kia chính là nhu cầu phối hợp để

một tổ chức có thể vận động và phát triển trong ổn định. Nhu cầu vừa kể được gọi là trung tâm bản vị. Nói cách khác, trung tâm bản vị là thuật ngữ diễn tả tư tưởng chung, quyền lợi chung của bản vị. Ý niệm lãnh đạo cũ được thay thế bằng ý niệm điều phối vận động của các cơ năng sao cho phù hợp với nhu cầu của trung tâm bản vị. Bản vị không bị lãnh đạo bởi tư tưởng cá nhân mà bởi tư tưởng xuất phát từ trung tâm bản vị tức là từ quyền tồn tại và phát triển của bản vị. Đó là lý do giải thích tại sao trong cấu trúc cơ năng bản vị, liên hệ thống trị và bị trị không thể tồn tại. Chính tính chất “phi thống trị, phi bị trị” của cấu trúc cơ năng - bản vị đã làm cho cấu trúc này hoàn toàn đồng dạng với cấu trúc hạch tâm. Trong mỗi nguyên tử vật chất đều có một nhân nguyên tử và những điện tử xoay vần chung quanh hạt nhân đó. Mỗi điện tử là một cơ năng. Hạt nhân là trung tâm bản vị. Liên hệ giữa hạt nhân và điện tử hiển nhiên không là liên hệ thống trị - bị trị. Như vậy cấu trúc cơ năng bản vị còn có tên gọi là cấu trúc hạch tâm. Sau đây là ba bản vị căn bản:

1/. Bản vị cá nhân

a) Về mặt thực tiễn đời sống. Con người có bảy nhu cầu sau đây: quần áo (y), ăn uống (thực), cư ngụ (trụ), tắm gội (dục), đi đứng giao dịch (hành), môi trường sống vui vẻ (lạc), công ăn việc làm ổn định (tác). Mỗi nhu cầu vừa kể là một cơ năng. Nhân cách là trung tâm bản vị. Sự thể này hàm ý rằng trong khi thỏa mãn nhu cầu sống, con người không cho phép nhu cầu này lấn át nhu cầu kia, nhu cầu của cái tôi không gây thiệt hại cho đời sống của những người chung quanh. Sau cùng, không người nào được quyền nhân danh nhu cầu sinh tồn của chính mình để vi phạm công bằng và lẽ phải, vi phạm đạo lý làm người. Đó là lý do giải thích tại sao nhân cách là trung tâm bản vị của bảy nhu cầu sinh sống (bảy cơ năng của bản vị cá nhân).

b) Về phương diện nhân tính: Những qui luật của nhân và dân đã dẫn chúng ta đạt đến nhận thức:

_ **Sắc tính:** Tính di truyền nòi giống, tính nam và nữ kết hợp thành gia đình. Sắc tính phải lấy lòng trung trinh (gọi tắt là *trinh*) song phương giữa hai vợ chồng làm chuẩn mực.

-- **Nhu yếu tính:** Một người vừa cần thỏa mãn nhu cầu sống của chính mình, đồng thời người đó phải có nghĩa vụ tôn trọng tính bình đẳng về cơ hội thỏa mãn nhu yếu của những người xung quanh. Không ai có thể bị chèn ép

trên địa bàn thỏa mãn nhu yếu. Như vậy nhu yếu tính phải lấy *bình* làm chuẩn. Bình ở đây không là bình quân, không là chia đều theo đầu người. Nó là bình đẳng về cơ hội.

-- **Tự vệ tính:** Tự vệ là nỗ lực làm vô hiệu hóa mọi tấn công nhằm vào sinh mệnh tinh thần và/ hoặc thể chất của một người. Động vật tự vệ bằng xương và bắp thịt theo kiểu mạnh được yếu thua. Con người nhờ sự dẫn đạo của tư tưởng đã ý thức được rằng tự vệ hữu hiệu nhất và bền bỉ nhất chính là sự nghị hòa với đối phương. Do đó, tự vệ tính của người lấy *hòa* làm chuẩn.

-- **Xã hội tính:** Động vật sống theo bầy, con vật không bao giờ biết quan tâm đến sự tồn vong của bầy động vật mà nó đang chung sống. Trái lại, con người nhận biết rất sâu sắc mối liên hệ hai chiều giữa cá nhân và xã hội. Cá nhân không thể hạnh phúc trong một xã hội suy tàn. Xã hội không thể thịnh vượng nếu cá nhân trốn tránh nghĩa vụ đối với xã hội. Muốn cho cá nhân lẫn xã hội tiến lên hạnh phúc và thịnh vượng thì xã hội tính của con người phải lấy *tinh thần tập thể* làm chuẩn. Đây chính là tinh thần cơ năng bản vị hỗ tương nguyên nhân.

Nói tóm lại, nếu một người bao giờ cũng thượng tôn bốn chuẩn mực (trinh, bình, hòa, tinh thần tập thể) của nhân tính thì nhân cách của người đó được thể hiện. Bốn yếu tính của nhân tính là bốn cơ năng. Nhân cách là trung tâm bản vị.

2/. Bản vị gia đình

Phần trình bày về "thực trạng vấn đề" đã nói lên những tệ hại của gia đình kim tự tháp. Vì vậy muốn bảo vệ đời sống tự giác của cá nhân, gia đình kim tự tháp phải chuyển đổi thành gia đình hạch tâm. Trong gia đình hạch tâm, vai trò của mỗi thành viên của gia đình (cha, mẹ và con cái) là một cơ năng. Nhu cầu vận động và phát triển của gia đình là trung tâm bản vị. Gia đình hạch tâm không vận động theo mệnh lệnh của gia trưởng. Mệnh lệnh kia đã được thay thế bởi mệnh lệnh của trung tâm bản vị. Mệnh lệnh của trung tâm bản vị là kết quả của những cuộc thảo luận bình đẳng, tự do và khoa học giữa các thành viên của gia đình. Khoa học ở đây có nghĩa là những cuộc thảo luận vừa kể bao giờ cũng lấy quyền lợi chung của gia đình làm gốc, lấy tiền đề Người và quy luật triết học gắn bó với tiền đề Người làm công cụ để khám phá và xác định chân lý.

3/. Bản vị dân tộc

Bên ngoài gia đình là làng xã, là quận lý, thành phố, là quốc gia. Mỗi đơn vị hành chính là một bản vị. Bản vị nhỏ đương nhiên biến thành cơ năng của bản vị kế cận lớn hơn. Đó là ý nghĩa của cơ năng hóa. Trong cuộc cơ năng hóa kia “tham dự viên” đều là những người có liên hệ chặt chẽ với nhau thông qua ngôn ngữ chung, phong tục tập quán chung, văn hóa, văn minh chung, những người có chung với nhau vô số vinh nhục của lịch sử. Những người đồng tâm, quyết chí xây dựng, bảo vệ và phát triển đại gia đình DÂN TỘC. Nói tới xây dựng, bảo vệ và phát triển tức là nói tới sự việc biến ước muốn thành hành động cụ thể. Phục vụ dân tộc bao gồm muôn vạn hình thái. Tuy nhiên nhìn một cách chung nhất, dân tộc chỉ có thể vươn lên nếu bản vị dân tộc được tổ chức và điều hành một cách nhịp nhàng bởi sáu cơ năng sau đây:

a/. Dân tộc phục hưng: Người Việt Nam yêu nước, thông minh, dũng cảm, cần cù... thế nhưng giặc Tàu, giặc Tây, giặc Vô Sản Chuyên Chính đã cầm chân dân tộc Việt Nam trong vòng khốn khổ. Phục hưng dân tộc tức là làm cho dân tộc vươn mình lớn mạnh. Muốn vậy, người Việt Nam phải quyết tâm thực hiện một chế độ chính trị chính thống. Chế độ chính thống tức là chế độ thực sự do dân chúng tự do bầu lên. Nói cách khác, chế độ chính thống là chế độ của dân, vì vậy quan hệ giữa nhà cầm quyền và quần chúng là quan hệ hợp tác và cảm thông. Đó là cội nguồn sức mạnh dân tộc. Mặt khác, bên cạnh sức mạnh đoàn kết, chúng ta cần có sức mạnh của trí tuệ. Nói như vậy để nhấn mạnh nhu cầu bức thiết của công tác giáo dục, công tác xây dựng và phát triển giới trí thức. Trí thức không có nghĩa là những người đầy đủ điều kiện để gia nhập đảng Cộng Sản. Trí thức không có nghĩa là những chuyên viên phục vụ các ngành nghề trong xã hội tư bản. Trí thức phải là người vừa có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân và gia đình, vừa có đầy đủ hiểu biết, và có lòng yêu thương để bảo vệ nhân quần xã hội. Trí thức như vậy có nghĩa là: tri và hành tương tác trên căn bản tri thức hiểu theo nghĩa triết, sử và khoa thống nhất.

b/. Dân đạo phát triển: Mỗi cá nhân cần phải sinh hoạt tự kỷ và đạo kỷ. Mỗi dân tộc cần phải sinh hoạt hướng tâm và dân đạo. Dân đạo chính là dòng tâm sinh mệnh của dân tộc. Dòng tâm sinh mệnh kia chỉ có thể phát triển một cách ổn định trên các điều kiện nêu sau:

1* Nhà cầm quyền phải có tính chính thống. Quan hệ giữa quần chúng và chế độ chính trị là quan hệ hài hòa và hợp tác.

2* Dân tộc độc lập là dân tộc hướng tâm vận động. Thế nhưng độc lập không có nghĩa là cô lập. Ranh giới của độc lập là nhu cầu hợp tác giữa quốc gia và quốc tế, giữa độc lập và liên lập.

3* Mỗi dân tộc đều có dân tộc tính riêng biệt. Tuy nhiên sự thể này không có nghĩa là giữa các dân tộc không thể có điểm hội tụ. Điểm hội tụ đó chính là nhân loại toàn tính. Mỗi liên hệ dân tộc tính và nhân loại toàn tính không có gì khác hơn là liên hệ giữa nhân và dân. Nhân đứng ở vị trí trung đạo. Nhân là điểm hội tụ của mọi dân tộc.

4* Là con dân của tổ quốc, mọi người đều cảm thấy rung động mỗi khi nghe nhắc đến công ơn dựng nước và giữ nước của tiền nhân, những rung động kia hiển nhiên là hồn sử. Là công dân của quốc gia, tất cả chúng ta đều có nghĩa vụ học hỏi lịch sử, mến yêu lịch sử, nghe theo tiếng gọi của hồn sử, đưa đẩy lịch sử di chuyển sao cho phù hợp với ước nguyện của dân đạo. Hướng tiến kia của lịch sử chính là hướng tiến đã được sử quan Gậy Thần Sách Ước Lý giải bằng phép biện chứng.

c/. Dân sinh quảng đại: Vận động kinh tế là vận động của toàn bộ xã hội. Lợi nhuận kinh tế là lợi nhuận của toàn bộ xã hội. Độc quyền cưỡng chiếm quyền lợi kinh tế kiểu tư bản nhà nước hay tư bản tư nhân đều phải bị triệt để loại trừ. Kinh tế phải xã hội hóa. Lợi nhuận kinh tế xã hội phải thuộc về toàn dân. Trên con đường vận động kinh tế, không một cá nhân công dân nào có thể bị chèn ép bởi bất kỳ thế lực nào. Đó là chân ý nghĩa của kinh tế bình sản. Đó là chân ý nghĩa của tính quảng đại trên địa bàn dân sinh.

d/. Dân văn sáng hóa: Văn hóa là mọi suy nghĩ và hành động của một dân tộc nhằm đưa đẩy xã hội dân tộc đó trở nên ngày một hạnh phúc và thịnh vượng hơn, văn minh hơn, Người hơn. Thông qua vô số thăng trầm của lịch sử, văn hóa Việt Nam đã hứng chịu những đại nạn kiểu văn hóa Tàu thuộc, văn hóa Tây thuộc, văn hóa Marx Lenine, văn hóa Mafia đỏ... Những đại nạn kia đã làm cho văn hóa Việt Nam bị tha hóa. Văn hóa vừa là kim chỉ nam, vừa là lực đẩy giúp dân tộc cất cánh tìm tới văn minh. Vì vậy công cuộc phục hưng dân tộc bao giờ cũng đi kèm với nỗ lực tái tạo một nền văn hóa vận động hướng tâm. Có như vậy văn hóa Việt mới được sáng hóa, văn minh Việt mới được phục hoạt. Thế nào là văn minh Việt? Làm thế nào biến ước mơ sáng hóa dân văn thành hành động cụ thể? Câu trả lời nằm ở đề mục "văn minh luận" thuộc phần "Áp dụng luật" của triết học Lý Đông A.

e/. Dân trị chính sức: Quốc gia là hình thái hành chính hóa vận động của dân tộc. Dân tộc chỉ đạt đến hạnh phúc và thịnh vượng chừng nào guồng máy quyền lực quốc gia được tổ chức và điều động một cách hợp lý và thích nghi. Đó là nội dung căn bản của vấn đề chính sức dân trị. Vấn đề này hàm ngụ rằng sức mạnh chính trị của quốc gia cần được xây dựng và phát triển chung quanh hai nguyên tắc:

-Một là quan hệ giữa nhà cầm quyền và quần chúng phải là quan hệ chân thành hợp tác. Muốn vậy, nhà cầm quyền phải là nhà cầm quyền của dân, do dân tự do bầu ra, nhà cầm quyền như vậy gọi là nhà cầm quyền chính thống.

-Hai là nhà cầm quyền chính thống phải thường xuyên tự chế, tránh xa mọi cơ hội làm cho quan hệ giữa nhà cầm quyền và quần chúng bị biến thể thành quan hệ thống trị và bị trị. Muốn vậy cấu trúc kim tự tháp của xã hội phải được thay thế bởi cấu trúc hạch tâm. Nói cách khác, mọi liên hệ trong xã hội cần được thực hiện đúng theo tinh thần cơ năng bản vị.

Thực thi nghiêm chỉnh và liên tục hai nguyên tắc trên, xã hội dân tộc sẽ vận động trong đồng thuận ổn định và bền bỉ. Đồng thuận giữa người dân với người dân. Đồng thuận giữa người dân và nhà cầm quyền. Kết quả cụ thể của sự việc đồng thuận rộng rãi và sâu sắc kia là luật pháp quốc gia. Luật pháp điều hành xã hội trong các điều kiện vừa diễn tả gọi là pháp trị (rule of law). Pháp trị là sản phẩm pháp lý được hình thành trên căn bản đồng thuận của người dân. Trái với pháp trị là pháp quyền (rule by law). Pháp quyền là hệ thống luật pháp do nhà cầm quyền độc tài tự ý quy định. Nó là công cụ pháp lý của chế độ độc tài, giúp chế độ độc tài duy trì ranh giới thống trị và bị trị.

f/. Dân vực trọn vẹn: Dân vực là môi trường sinh sống của người dân. Môi trường này cần được bảo vệ và phát triển thỏa đáng. Có như vậy dân mới khỏe, nước mới mạnh. Dân vực được xác định bởi hai hình thái:

Hình thái cụ thể: Dân vực bao gồm môi sinh và lãnh thổ. Người dân cũng như nhà cầm quyền đều có nghĩa vụ tích cực bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ: Địa phận, hải phận và không phận. Bảo vệ lãnh thổ vừa mang ý nghĩa chống ngoại xâm, vừa gói ghém quyết tâm nghiêm trị hành động cố hiến một hay nhiều phần lãnh thổ cho ngoại bang nhằm giúp cho cá nhân hay đảng phái cầm quyền đoạt thủ những quyền lợi bất chính về kinh tế và/hoặc

chính trị. Đi kèm với lãnh thổ là vấn đề môi sinh. Công cuộc bảo vệ môi sinh đòi hỏi quốc gia và quốc tế thường xuyên phối hợp chặt chẽ.

Hình thái trù tượng: Dân vực trên bình diện chính trị hẳn là xã hội dân sự. Xã hội dân sự là xã hội vận hành trên căn bản phân công tự nguyện giữa người dân với người dân. Lịch sử đã cho thấy: Trước khi nhà cầm quyền các loại ra đời thì giữa người dân với người dân đã có sinh hoạt gia đình, sinh hoạt chợ búa, sinh hoạt văn học nghệ thuật: Văn, thi, nhạc, họa, sinh hoạt làng xã thông qua lệ làng, sinh hoạt truyền thông dưới hình thức ca dao, tục ngữ, truyện cổ v.v... Đó là nội dung cốt lõi của xã hội nguyên thủy. Xã hội dân sự cổ xưa sinh sống trong êm đềm và bình đẳng. Thế rồi xã hội nguyên thủy càng ngày càng bành trướng, vấn đề điều hành toàn bộ xã hội được đặt ra. Từ đó vai trò của nhà cầm quyền được định vị. Từ đó xã hội bị tách ra làm đôi. Bên này là quần chúng bị trị, bên kia là nhà cầm quyền thống trị. Cuộc hôn phối cưỡng ép giữa thống trị và bị trị đã làm cho xã hội dân sự trở nên xa xôi và mờ nhạt... Qua nhiều thế kỷ, xã hội loài người đã đạt những tiến bộ vượt bậc: Cách mạng kỹ nghệ, cách mạng điện toán, kỹ thuật quản trị chính trị, kinh doanh đi kèm với kỹ thuật pháp lý hành chánh ngày càng quan tâm đến dân chủ, nhân quyền, đã làm cho hiểu biết của loài người thực sự cất cánh thay đổi. Bên cạnh những thay đổi kỳ lạ và vĩ đại vừa nói, quan hệ thống trị và bị trị tuy được khoác nhiều chiếc áo khác nhau nhưng thực chất vẫn là độc tài chuyên chế, vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn giữa tiến bộ cao tốc và bảo thủ ù lì kia đã đưa dẫn chúng ta đối diện với hai sự thực:

-- Thứ nhất: Những tiến bộ kỳ diệu của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là khoa học điện toán, cộng với những ý niệm tân kỳ về ngành quản trị xã hội đi kèm với tư tưởng mang hành chánh hạch tâm thay thế hành chánh kim tự tháp, đã là những nhân tố có tính thuyết phục rằng: Không như xã hội dân sự nguyên thủy cổ xưa, xã hội dân sự ngày nay có khả năng tự phát triển trong ổn định ở tầm vóc vô cùng rộng lớn. Khả năng tự ổn định kia xuất phát từ năng lực tự động điều chỉnh của guồng máy hành chánh cơ năng bản vị.

-- Thứ hai: Xã hội dân sự càng lớn mạnh, vai trò của nhà cầm quyền, đặc biệt là nhà cầm quyền độc tài, càng bị thu hẹp. Nói cách khác, nếu xã hội dân sự có điều kiện để mở rộng trong nhiều lãnh vực khác nhau của xã hội thì quyền năng của nhà cầm quyền không thể vượt ra ngoài ranh giới của nhiệm vụ điều hợp tổng quát. Từ đó quan hệ bị trị và thống trị sẽ vĩnh viễn bị loại trừ. Đó là chân ý nghĩa của công cuộc mở rộng dân vực trên địa bàn chính trị.

Công cuộc phục hưng và phát triển dân tộc sẽ chỉ là tấm biểu ngữ treo tường nếu chúng ta không thực thi sáu cơ năng đã trình bày ở trên:

- _ Phục hưng dân tộc
- _ Phát triển dân đạo
- _ Quảng đại dân sinh
- _ Sáng hóa dân văn
- _ Chính sức dân trị
- _ Trọn vẹn dân vực

Sáu cơ năng này (còn gọi là *lục dân*) trong quá trình vận hành có thể va chạm lẫn nhau về ưu tiên hay về tốc độ thực thi. Nhằm giải trừ những va chạm kia, chúng ta phải áp dụng các ý niệm về nhân bản, nhân tính, nhân chủ (*tam nhân*) làm chuẩn mực để hóa giải các va chạm. Như vậy tam nhân là tư tưởng chỉ đạo, là trung tâm bản vị của bản vị dân tộc.

Mặt khác, bản vị dân tộc còn được nhận diện qua vận động khác nhau của xã hội: Gia đình, thành phần xã hội, chức nghiệp, đoàn thể v.v... đều là những cơ năng của bản vị dân tộc. Nhu cầu phục hưng và phát triển dân tộc là trung tâm bản vị.

4/. Bản vị nhân loại

Một cách chung nhất, do phản ứng tự động điều chỉnh (còn gọi là phản ứng cơ năng hóa) của sinh hoạt cơ năng bản vị chúng ta nhận ra rằng cá nhân là cơ năng của bản vị gia đình, gia đình là cơ năng của bản vị dân tộc và dân tộc là cơ năng của bản vị nhân loại. Bản vị nhân loại có bốn hình thái căn bản nêu sau:

1. Độc lập của mỗi quốc gia là một cơ năng. Tinh thần liên lập quốc tế là trung tâm bản vị. Cách mạng điện toán đã biến thế giới trở thành một làng nhỏ (Global Village). Do đó mối liên hệ giữa các quốc gia ngày càng chặt chẽ và nhanh chóng. Thế giới là một thân thể, mỗi quốc gia là một chi thể. Mỗi quốc gia rất miễn cưỡng trong quyết tâm bảo vệ độc lập của đất nước, đồng thời quốc gia cũng thường xuyên tự chế không để cho tính độc lập lấn át nhu cầu liên lập. Đó là ý nghĩa của mối quan hệ cơ năng và bản vị giữa độc lập quốc gia và liên lập quốc tế.

2. Mỗi dân tộc tính là một cơ năng. Nhân loại toàn tính là trung tâm bản vị. Những tác động của lịch sử, của chủng tộc, của hoạt động kinh tế, chính trị... đã tạo ra những nét đặc thù trong dân tộc tính của mỗi dân tộc. Dân tộc tính của quốc gia này có những khác biệt so với dân tộc tính của quốc gia khác. Tuy vậy, trong cốt lõi của các dân tộc tính đều có những điểm trùng phùng nhất định. Mọi dân tộc đều yêu công bằng và lẽ phải. Mọi dân tộc đều mến mộ đời sống hưởng thụ. Mọi dân tộc đều kính trọng đời sống gia đình. Mọi dân tộc đều kính già yêu trẻ v.v... Tất cả những điểm trùng phùng tuyệt diệu kia tổng hợp lại được gọi là nhân loại toàn tính. Nhân loại toàn tính chính là chất keo sơn kết nối các dân tộc lại với nhau trên nền tảng TÌNH NHÂN LOẠI. Nói tới tình tức là nói tới mối dây liên hệ, nói tới những hoạt động hợp tác và xây dựng một Global Village trong hòa bình và thịnh vượng. Muốn được như vậy, mỗi dân tộc cần tôn trọng dân tộc tính của các dân tộc bạn. Đồng thời, tạo điều kiện để các dân tộc thân thiết với nhau tại điểm hội tụ: Nhân loại toàn tính. Nói cách khác, mỗi dân tộc tính là một cơ năng, nhân loại toàn tính là trung tâm bản vị.

3. Mỗi nền văn hóa dân tộc là một cơ năng, quốc tế nhân văn là trung tâm bản vị. Đời sống của mỗi dân tộc gồm hai mặt: Tính và mệnh. Tính của dân tộc gọi là dân tộc tính. Mệnh của dân tộc là sự phô diễn dân tộc tính trong đời sống. Sự phô diễn kia chính là văn hóa dân tộc. Nói rõ hơn dòng tâm sinh mệnh của dân tộc là một chuỗi giao thoa bất tận giữa tính và mệnh, giữa dân tộc tính và dân tộc mệnh (văn hóa dân tộc). Các dân tộc tính hội tụ trong nhân loại toàn tính. Các nền văn hóa dân tộc hội tụ trong văn hóa chung của loài người, gọi tắt là nhân văn. Trên thực tiễn của bang giao quốc tế, rất nhiều khi xảy ra những va chạm giữa các luồng văn hóa khác nhau. Đầu thế kỷ 21, loài người đã lâm vào cuộc va chạm văn hóa giữa Hồi giáo và thế giới không Hồi giáo. Xin đừng quên rằng trong những va chạm kia, hỏa lực quân sự chỉ có khả năng khống chế trận địa khủng bố một cách tạm thời. Chiến tranh văn hóa cần được giải trừ trên bàn thương nghị văn hóa. Thương nghị văn hóa không có nghĩa là dòng văn hóa này phải đầu hàng dòng văn hóa kia. Thương nghị văn hóa chỉ có nghĩa là các dòng văn hóa lâm chiến hãy cùng nhau tiến vào nền văn hóa nhân loại. Ở đâu có tự do và bình đẳng văn hóa, ở đó có hòa bình và thịnh vượng. Nhân loại toàn tính là thể. Văn hóa nhân loại là dụng. Các học lý, án lệ và tập quán bang giao quốc tế, các hiệp ước quốc tế về kinh tế, y tế, môi sinh v.v... Luật quốc tế về nhân quyền, về quyền tự do chính trị, văn hóa, xã hội v.v..., các cơ quan quốc tế về tài chính, văn hóa giáo dục, bảo vệ phụ nữ và nhi đồng v.v... là

những hình ảnh sinh động về văn hóa nhân loại. Văn hóa nhân loại rõ ràng là vườn tao ngộ của các nền văn hóa. Văn hóa nhân loại rõ ràng là môi trường điều tiết cuộc chung sống của các nền văn hóa trên toàn cầu. Nó giúp bào mòn một số góc nhọn của các nền văn hóa. Nó tạo điều kiện cho các nền văn hóa quen biết nhau, chấp nhận lẫn nhau, bổ túc cho nhau, thân thiết với nhau. Quả thực: mỗi nền văn hóa dân tộc là một cơ năng, văn hóa nhân loại là trung tâm bản vị.

Dòng sống của mỗi dân tộc là một cơ năng, dòng sống toàn cầu hóa là trung tâm bản vị. Toàn cầu hóa không có nghĩa là một số quốc gia siêu cường hội họp với nhau để bàn định việc chia chác thị trường trên toàn thế giới. Về mặt kinh tế, toàn cầu hóa phải là nỗ lực phân công, hợp tác của tất cả các quốc gia trong cộng đồng quốc tế nhằm mục tiêu xây dựng một guồng máy kinh tế thế giới. Guồng máy này vận hành trên căn bản xóa bỏ dần dần hố ngăn cách giữa quốc gia giàu và quốc gia nghèo. Điều quan trọng hơn cả là sự phổ biến và thực hiện công lý rằng công cuộc toàn cầu hóa chỉ thực sự có ý nghĩa chừng nào toàn cầu hóa không chỉ quanh quẩn trên địa bàn kinh tế. Toàn cầu hóa phải là toàn cầu hóa toàn diện. Toàn cầu hóa hành động bảo vệ môi sinh. Toàn cầu hóa y tế. Toàn cầu hóa công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Toàn cầu hóa nhân quyền: Đòi hỏi tất cả các quốc gia trong cộng đồng thế giới phải hiểu biết nhân quyền theo một nghĩa duy nhất của Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Tích cực xóa bỏ tận gốc rễ kiểu lý luận lơ mơ và vô căn cứ cho rằng mỗi dân tộc có phong tục tập quán riêng, cần phải được giải thích nhân quyền theo nhiều ý nghĩa riêng và khác nhau. Nhân quyền có được tôn trọng theo ý nghĩa toàn cầu hóa thì các chế độ độc tài áp bức mới lùi vào bóng tối, thế giới mới an bình thịnh vượng. Sau cùng, toàn cầu hóa không thể đến với loài người theo kiểu một giấc mơ đột nhiên biến thành sự thực. Toàn cầu hóa toàn diện chỉ trở thành hiện thực chừng nào công cuộc này được sự góp tay tích cực của khối nhân sự khổng lồ sinh sống trong các quốc gia trên toàn cầu. Khối nhân sự khổng lồ kia là sản phẩm của chương trình toàn cầu hóa giáo dục. Chương trình này có chủ đích thuyết phục giới chức giáo dục của các quốc gia hãy mạnh mẽ giáo dục và đào tạo ngay trong quốc gia của họ thành phần "trí thức thế giới". Thành phần này là nhân sự chủ lực thực hiện ý muốn toàn cầu hóa toàn diện. Trí thức thế giới không là những người trí thức được sản sinh ra với chủ đích phục vụ xã hội tư bản nhà nước hay tư bản tư nhân. Trí thức thế giới là sự thăng hoa của chương trình giáo dục bởi nhân bản, vì nhân tính và quyết tâm đưa đẩy loài người tiến lên địa vị nhân chủ.

Nhìn chung lại, toàn cầu hóa toàn diện gồm nhiều mặt toàn cầu hóa khác nhau: Kinh tế, giáo dục, y tế, luật nhân quyền, khoa học, kỹ thuật v.v... Tất cả các mặt toàn cầu hóa vừa được trình bày vận hành theo nguyên tắc: Dòng sống của mỗi quốc gia là một cơ năng, dòng sống toàn cầu hóa là trung tâm bản vị. Xin được nhắc lại: Trung tâm bản vị là thuật ngữ diễn tả vai trò điều hợp trung ương. Nó giúp cho quan hệ giữa các cơ năng với nhau thường xuyên hòa hài. Nó còn tạo mối quan hệ chừng mực và hợp lý giữa quyền lợi của mỗi cơ năng và quyền lợi của toàn bộ bản vị.

Bốn loại bản vị kể trên chỉ là bốn thí dụ điển hình có tính gợi ý. Trong xã hội thực tiễn có muôn hình vạn trạng bản vị. Tùy theo thay đổi của không gian và thời gian mà cá nhân và/hoặc đoàn thể tùy nghi thay đổi sự tham dự của các đương sự vào những bản vị trong dòng sống. Tham dự vào một bản vị tức là vận động và kết hợp với bản vị đó trên hai tiêu chuẩn:

_ Vận động phải chính thượng và kinh hăng. Phải thường xuyên ngay thẳng và hướng thượng.

_ Kết hợp phải thịnh tình, đặc vị, tận phần, hợp lý. Thịnh tình là mối liên hệ giữa cơ năng với cơ năng, giữa cơ năng với bản vị phải hòa hài. Đặc vị đòi hỏi nhân sự trong cuộc kết hợp phải được đặt để vào đúng vị trí của các đương sự, phải hành sử đúng chức phận của cơ năng, lấy bản vị làm kim chỉ nam. Đặc biệt, đặc vị còn hàm ý sự chuyển mình từ một bản vị trở thành cơ năng của bản vị lớn hơn (cơ năng hóa). Có thịnh tình, có đặc vị thì nhân sự trong kết hợp mới cống hiến trọn vẹn tim óc của mỗi cá nhân vào công cuộc chung. Đó là ý nghĩa của tận phần. Hợp lý trong kết hợp chính là tính linh động, tính tương nhượng để giúp cho kết hợp được diễn ra một cách bền bỉ. Kết hợp còn có nghĩa là tùy, có nghĩa là di chuyển từ chấp kinh qua tòng quyền trong những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Không giết người là chấp kinh. Giết người vì lý do phòng vệ chánh đáng là tòng quyền.

Sau khi đã khám phá ra Người là tiền đề của triết học, Lý Đông A đã chứng minh được rằng muốn tổ chức đời sống hạnh phúc cho Người, chúng ta phải hiểu và phải vận dụng ba lớp biện chứng: Duy Nhiên, Duy Nhân, Duy Dân. Trình bày riêng rẽ từng lớp biện chứng một chỉ là cách trình bày có chủ đích giúp cho chúng ta dễ nhận định vấn đề. Trong thực tại, *Nhiên, Nhân, Dân thường hăng thống nhất.*

-- Về mặt Vũ Trụ quan: Triết học Lý Đông A là triết học Duy Nhiên.

- Về mặt Nhân Sinh quan: Triết học Lý Đông A là triết học Duy Nhân.
- Về mặt Chánh Trị quan: Triết học Lý Đông A là triết học Duy Dân.

Lý Đông A dùng chữ “Duy” chỉ với chủ ý nhấn mạnh khía cạnh trội yếu của một vấn đề trong biến dịch của thời gian và không gian, chứ không có chủ ý phủ định những khía cạnh chung quanh của vấn đề đó. Tương quan giữa đối lập với thống nhất là một trong những nhận thức cơ bản của Lý Đông A. Chính nhờ nhận thức này Lý Đông A đã phản ánh được thực tại rằng: Biện chứng Duy Dân là sự tổng gộp của biện chứng Duy Nhiên và biện chứng Duy Nhân. Nói cách khác, biện chứng Duy Dân là sự diễn đạt đời Người một cách cơ cấu. Nếu hệ thống là bức tranh phác họa thì cơ cấu là bức tranh chân dung. Mô tả cơ cấu của đời Người chính là sự mô tả chi tiết mọi nỗ lực vận động và phát triển có qui luật của Người nhằm đưa Dân đến thật gần Nhân trong tương quan thống nhất của Vũ Trụ, Nhân Sinh và Chính Trị. Đầu mỗi của vũ trụ, của Nhân Sinh hay của Chính Trị bao giờ cũng là Tự Kỷ và Đạo Kỷ. Đạo Kỷ và Tự Kỷ không thể tồn tại trong những xã hội có kiến trúc Kim Tự Tháp. Vì vậy, một trong những mục tiêu trọng yếu của cuộc cách mạng Duy Dân là cải tạo kiến trúc xã hội. Kiến trúc Kim Tự Tháp phải được thay thế bằng kiến trúc hạch tâm. Hạch tâm thể không phải là điều kiện đủ nhưng vẫn là điều kiện tiên quyết để Tự Kỷ và Đạo Kỷ có thể lộ diện. Có Đạo Kỷ và Tự Kỷ mới có tự giác. Có tự giác, Dân mới có cơ tiến về Nhân. Dân tiến về Nhân, loài người mới có thể tiến từ tự nhiên hóa lên *tự nhiên hòa*. Tự nhiên hòa chính là chân hạnh phúc của đời người. Đó là lý do giải thích sự có mặt của học thuyết cơ năng bản vị tiếp theo sau phần trình bày về biện chứng Duy Dân.

Tóm lại, tự nhiên, tư tưởng, xã hội thống nhất. Nhiên, Nhân, Dân thống nhất. Dân tìm về Nhân tất yếu như đối lập tìm về thống nhất, động tìm về tĩnh. Nhưng muốn cho sự kiện tất yếu vừa kể sớm xảy ra, chúng ta cần hai điều kiện:

-- Điều kiện nội dung: Loài Người hiểu và vận dụng biện chứng Nhiên, Nhân, Dân vào đời sống.

-- Điều kiện hình thức: Kiến trúc xã hội phải là kiến trúc hạch tâm. Quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tập thể và giữa các tập thể với nhau phải là quan hệ cơ năng và bản vị. Quan hệ cơ năng bản vị là thần dược có năng lực giải trừ tận gốc rễ quan hệ thống trị và bị trị của xã hội nô lệ, nô lệ thô thiển hay nô lệ tinh vi.

Hai điều kiện nêu trên chính là hai trọng điểm mà Lý Đông A (LĐA) đã trình bày và chứng minh trong Bài 1 Bản Thể Luận và Bài 2 Nhận Thức Luận.

Đặc biệt, những quy luật trong phần nhận thức luận của triết học LDA là công trình chứng minh một cách tinh tế và khoa học: Dân tìm về Nhân vừa là khát vọng của đời người vừa là lộ trình khả thi. Biện chứng duy dân là mặt bằng, là chiều dài và chiều rộng của triết học LDA. Biện chứng duy nhân và duy nhiên là chiều cao của triết học Tam Nhân. Triết học LDA là triết học ba chiều, triết học lập thể, Nó giúp suy nghĩ của con người vừa bay bổng vừa không bao giờ quên những hành động sống thực tiễn.

*"Tác giả vô danh là gốc đạo,
Noãn Bào Trăm Họ ấy giềng người."
Lý Đông A*

Không riêng gì người Việt Nam, mọi người trên toàn thế giới hãy hân hoan mang tư tưởng LDA đi vào đời sống để sống với ý thức rằng thế giới loài người phải là thế giới của yêu thương và thịnh vượng trên căn bản những xoay vần của cơ năng và bản vị: cá nhân và gia đình; gia đình và làng quê; làng quê và dân tộc; dân tộc và nhân loại./.

Đỗ Thái Nhiên
